

Bản án số: 23/2019/DSST.

Ngày: 26/11/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Cán bộ TAND huyện Cư Jút.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 139/2018/TLST-DS, ngày 25/12/2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

Địa chỉ: Tháp B, số 35 Hàng V, quận H, TP. N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Danh Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 41 Nguyễn Tất T, phường TA, thành phố B, tỉnh ĐL.

Theo Quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Tạ Thị Thu L – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh

Địa chỉ: Số 41 Nguyễn Tất T, phường TA, thành phố B, tỉnh ĐL.

Theo Giấy ủy quyền số 722/BIDV-KHCN ngày 11/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H.

Địa chỉ: Thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền tham gia tố tụng là bà Tạ Thị Thu L trình bày:

Vào ngày 07/7/2017 bà Phạm Thị H ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/8736286/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B để vay số tiền là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*); mục đích là để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 07/7/2017 đến ngày 07/6/2018; với lãi suất cố định là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; trả lãi định kỳ 03 tháng một lần vào ngày 15, gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B và bà Phạm Thị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2016/8736286/HĐBĐ ngày 11/7/2016 gồm các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 979052 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 979053 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị H đã trả lãi đến 15/10/2017 với số tiền 23.013.699đ (*Hai mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

Tính đến ngày khởi kiện 22/10/2018 bà Phạm Thị H còn nợ lại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B số tiền 901.145.206đ (*Chín trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng*), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn: 85.380.822đ (*Tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 15.764.384đ (*Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*).

Và lãi suất phát sinh cho đến khi bà H trả xong các khoản nợ.

Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho phía ngân hàng như nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16/10/2017 cho đến nay.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B bà Tạ Thị Thu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Phạm Thị H phải trả bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.039.457.534đ (*Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 26/11/2019 là 872 ngày, được khấu trừ số tiền lãi đã trả 23.013.699 đồng: $800.000.000đ \times 10,5\%/năm \times 872 \text{ ngày} = 200.679.542 \text{ đồng}$ - 23.013.699 đồng = 177.665.753đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn) tính từ ngày 07/6/2018 đến ngày 26/11/2019 là 537 ngày: $800.000.000đ \times (10,5\%/năm \times 0,5) \times 537 \text{ ngày} = 61.791.781đ$ (*Sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

Trường hợp bà Phạm Thị H không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho bà Phạm Thị H, tuy nhiên bà Phạm Thị H vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện C lập biên bản về việc vắng mặt đương sự và biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ cho bà Phạm Thị H.

Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với bà H, tuy nhiên bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do, do đó việc hòa giải không tiến hành được.

- Tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện C xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V là có căn cứ nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn là bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 07/7/2017, thời hạn vay 11 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 07/6/2018. Đến thời hạn trả nợ bà Phạm Thị H không thực hiện việc trả nợ cho phía ngân hàng, do đó quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng bị xâm phạm. Ngày 22/10/2018 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015].

[2. Về nội dung vụ án:

- Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8736286/HĐTD ngày 07/7/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B và bà Phạm Thị H thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2018. Tuy nhiên khi đến hạn bà H không trả nợ gốc và nợ lãi cho phía ngân hàng.

Ngày 22/10/2018 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị H phải trả số tiền còn nợ 901.145.206đ (*Chín trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng*), trong đó nợ gốc: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*), Nợ lãi: 85.380.822đ (*Tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*), Nợ lãi quá hạn: 15.764.384đ (*Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*) và lãi suất phát sinh cho đến khi bà H thanh toán xong các khoản nợ.

Quá trình vay bà Phạm Thị H đã trả được số tiền 23.013.699đ (*Hai mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*), do đó bà H được khấu trừ số tiền trên.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Phạm Thị H phải trả bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.039.457.534đ (*Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 26/11/2019 là 872 ngày, được khấu trừ số tiền lãi đã trả 23.013.699 đồng: $800.000.000đ \times 10,5\%/năm \times 872 \text{ ngày} = 200.679.542 \text{ đồng} - 23.013.699 \text{ đồng} = 177.665.753đ$ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn) tính từ ngày 07/6/2018 đến ngày 26/11/2019 là 537 ngày: $800.000.000đ \times (10,5\%/năm \times 0,5) \times 537 \text{ ngày} = 61.791.781đ$ (*Sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

- Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của phía nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/8736286/HĐBĐ ngày 11/7/2016 gồm các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 979052 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 979053 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H.

- Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là đảm bảo, người đứng tên quyền sử dụng đất là bà Phạm Thị H, hợp đồng được chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định, mục đích thế chấp là để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Ngày 24/7/2019 Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp, kết quả như sau:

+ Thửa đất số 703, tờ bản đồ số 12, diện tích 263m² tọa lạc tại thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 979052 ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà gỗ có kết cấu: Móng xây đá hộc, cột gỗ, vách ván, mái lợp ngói, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 6,2m x 5,5m = 34m².

- 01 nhà bếp có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, mái lợp ngói, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 7m x 6m = 42m².

- 01 khu nhà vệ sinh có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, mái lợp tôn, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 4,5m².

- 01 bể nước có kết cấu: Móng xây đá hộc, thành xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, có thể tích 1,8m x 2,6m x 1,7m = 8m³.

- 01 chuồng heo có kết cấu: Móng xây đá hộc, thành xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, mái lợp ngói, không đóng trần, có diện tích 4,4m x 7,4m = 32,5m².

+ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.537m² tọa lạc tại thôn 5, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 979053 ngày 08/6/2016, mang tên bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, mái lợp ngói, không đóng trần, có diện tích 6m x 7m = 42m².

Toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là của bà Phạm Thị H, không có tranh chấp].

[3. Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, buộc bị đơn bà Phạm Thị H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

[4. Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V được chấp nhận nên buộc bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (239.457.543 đồng x 3%) = 43.184.000đ (*Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V tổng số tiền 1.039.457.534đ (*Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn: 177.665.753đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 61.791.781đ (*Sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8736286/HĐTD ngày 07/7/2017 cho đến khi bà Phạm Thị H thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V thì phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ gồm:

+ Thửa đất số 703, tờ bản đồ số 12, diện tích 263m² tọa lạc tại thôn 6, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 979052 ngày 08/6/2016 mang tên bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà gỗ có kết cấu: Móng xây đá hộc, cột gỗ, vách ván, mái lợp ngói, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 34m².

- 01 nhà bếp có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, mái lợp ngói, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 42m².

- 01 khu nhà vệ sinh có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, mái lợp tôn, không đóng trần, nền láng xi măng, có diện tích 4,5m².

- 01 bể nước có kết cấu: Móng xây đá hộc, thành xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, có thể tích 8m³.

- 01 chuồng heo có kết cấu: Móng xây đá hộc, thành xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, mái lợp ngói, không đóng trần, có diện tích 32,5m².

+ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.537m² tọa lạc tại thôn 5, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh ĐN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 979053 ngày 08/6/2016, mang tên bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, nền láng xi măng, mái lợp ngói, không đóng trần, có diện tích 42m².

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị H phải nộp là 43.184.000đ (*Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 19.517.000đ (*Mười chín triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000432 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐN.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.